

ĐẠI HỌC
BÁCH KHOA
HÀ NỘI



2018

**Báo cáo Hội nghị cán
bộ viên chức
(Dự thảo)**

Hội nghị Đại biểu CBVC Trường ĐHBK Hà Nội năm 2017 đã được tổ chức vào ngày 26 tháng 1 năm 2018. Hội nghị đã thống nhất phương hướng hoạt động chung cho năm 2018 là tập trung vào đổi mới hệ thống quản trị Nhà trường, nâng cao hiệu quả bộ máy, xây dựng và triển khai các giải pháp thực hiện hiệu quả cơ chế tự chủ toàn diện, với 10 nội dung chính sau đây:

1. Đổi mới tổ chức và quản trị, nâng cao hiệu quả bộ máy
2. Phát huy tiềm năng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ
3. Phát triển khuôn viên, hiện đại hóa cơ sở vật chất
4. Phát triển đào tạo chất lượng cao định hướng thị trường
5. Tập trung nguồn lực nâng cao năng lực và hiệu quả nghiên cứu
6. Xây dựng cơ chế hỗ trợ khởi nghiệp và thúc đẩy chuyển giao công nghệ
7. Xây dựng hệ thống tài chính vững mạnh
8. Nâng cao chất lượng các hoạt động hỗ trợ sinh viên
9. Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển hợp tác - đối ngoại
10. Tăng cường công tác truyền thông và phát triển thương hiệu.

Năm 2018 là năm thứ hai Trường thực hiện thí điểm cơ chế tự chủ toàn diện và không được Nhà nước cấp kinh phí chi thường xuyên và cũng là năm thứ 2 triển khai Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2017-2025. Báo cáo này đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Hội nghị, tóm tắt những kết quả hoạt động chính đã đạt được và chỉ ra những hạn chế, khó khăn, phân tích nguyên nhân; trên cơ sở đó đề ra phương hướng công tác trong năm 2019, phù hợp với Chiến lược phát triển 2017-2025.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ CBVC NĂM 2018

1. **Đổi mới tổ chức và quản trị, nâng cao hiệu quả bộ máy**

Năm 2018, Nhà trường đã chú trọng đổi mới tổ chức và quản trị hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn bộ máy, tạo sức thu hút các nguồn lực và tạo động lực cho hệ thống phát triển.

a) Hoàn thiện hệ thống văn bản, tổ chức đào tạo tập huấn cho cán bộ, đưa vào áp dụng mô hình quản trị chiến lược và chỉ số hoạt động KPI.

- Hệ thống văn bản khung của Nhà trường đã cơ bản hoàn thành bao gồm: Quy chế Công tác cán bộ; Quy chế Chi tiêu nội bộ; Quy định việc mua sắm theo phương thức tập trung tại trường ĐHBK Hà Nội; Hệ thống chỉ số hoạt động (BKPI)...

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị và phổ biến tới toàn thể cán bộ trong Trường để thực hiện.

b) Thành lập các tổ tư vấn, tổ công tác để hỗ trợ BGH thực hiện chiến lược và kế hoạch hành động năm 2018.

c) Sáp nhập và tổ chức lại một số đơn vị, đồng thời phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị quản lý hành chính và hỗ trợ tập trung:

- Sáp nhập, tái cơ cấu cho 8 đơn vị: phòng **Cơ sở Vật chất** trên cơ sở sáp nhập phòng Quản trị và phòng Thiết bị; phòng **Tuyển sinh** và phòng **Đào tạo** trên cơ sở sáp nhập phòng Đào tạo Đại học, viện Đào tạo Sau đại học, viện Đào tạo Quốc tế; sáp nhập viện Kỹ thuật Hạt nhân & Vật lý môi trường vào viện **Vật lý Kỹ thuật**; sáp nhập Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng & Sáng tạo công nghệ vào viện **Điện**; sáp nhập Trung tâm Nghiên cứu vật liệu Polyme và Trung tâm Khoa học & Công nghệ Cao su vào viện **Kỹ thuật Hoá học**; tái

cơ cấu viện CNQT về Khoa học & Kỹ thuật tính toán thành **Trung tâm CN dữ liệu & tính toán**; thành lập **Trung tâm Ngôn ngữ & Trao đổi học thuật** trên cơ sở trung tâm Ngoại ngữ, trung tâm Tiếng Pháp, trung tâm Trao đổi Khoa học-Kỹ thuật Việt - Đức và trung tâm Thông tin Năng lượng nguyên tử.

- Đổi tên cho 8 phòng chức năng: phòng Hợp tác quốc tế thành phòng **Hợp tác đối ngoại**; phòng Khoa học – Công nghệ thành phòng **Quản lý nghiên cứu**; phòng Kế hoạch - Tài vụ thành phòng **Tài chính - Kế toán**; phòng Công tác chính trị và Công tác sinh viên thành phòng **Công tác sinh viên**; trung tâm Truyền thông và Quan hệ công chúng thành phòng **Truyền thông và Quản trị thương hiệu**; trung tâm Đảm bảo chất lượng thành phòng **Quản lý chất lượng**; Ban quản lý các dự án đầu tư thành phòng **Phát triển dự án đầu tư**; phòng Bảo vệ thành phòng **An ninh**.

- Chức năng nhiệm vụ của các phòng chức năng và đơn vị hỗ trợ toàn Trường đã được xây dựng hoàn thiện và ban hành, trong đó mỗi đơn vị đều xác định được rõ sứ mạng, mục tiêu và nhiệm vụ của mình.

d) Nhà trường đã và đang tích cực triển khai đề án xây dựng Đại học điện tử BK - eUniversity, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin sâu rộng. Hằng năm Trường mua bản quyền phần mềm Office 365 phục vụ cho các công việc văn phòng cũng như hệ thống thông tin quản lý chung toàn trường đã từng bước nâng cao chất lượng quản lý cũng như hiệu quả làm việc của cán bộ. Trường đã lựa chọn hợp tác với Tập đoàn SAP của Đức về hoàn thiện hệ thống phần mềm quản lý dữ liệu chung toàn trường, giúp nâng cao hiệu quả điều hành và thực hiện các hoạt động trong Trường.

Các thông tin về tuyển sinh, về hỗ trợ sinh viên, về đào tạo và các quy định, quy chế được đăng tải và cập nhật thường xuyên trên Cổng thông tin điện tử của Nhà trường và trên hệ thống Office 365. Hiệu trưởng đã chỉ đạo lập Team CBVC trên hệ thống Office 365 để cán bộ và lãnh đạo các đơn vị trong trường có thể trao đổi công khai và trực tiếp các vấn đề tồn tại về đào tạo, về cơ sở vật chất, về thực hiện quy chế, quy định, ...

Những tồn tại, yếu kém:

- Quá trình xây dựng các quy chế, quy định chậm hơn so với tiến độ đặt ra, một mặt do công tác biên soạn phải song song nghiên cứu và điều chỉnh liên tục cho phù hợp với thực tế, mặt khác cần thời gian để xử lý việc tiếp thu hay giải trình các ý kiến góp ý từ các đơn vị và Hội đồng trường. Tuy nhiên, điều này thể hiện tính tích cực về đảm bảo tính dân chủ và hướng tới nâng cao chất lượng hiệu quả trong việc thực hiện công tác xây dựng văn bản.

- Việc nâng cao hơn nữa ứng dụng công nghệ thông tin cần có nguồn kinh phí lớn nên cần có sự hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước. Nhiều đơn vị và cá nhân trong Trường vẫn chưa có ý thức thực hiện áp dụng các ứng dụng của Microsoft Office 365 cũng ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện công tác này.

2. Phát huy tiềm năng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ

a) Phát triển đội ngũ cán bộ là một nhiệm vụ trọng tâm được thực hiện trong năm 2018.

- Trường thực hiện chủ trương tăng số lượng CBGD đồng thời tối ưu số lượng khối hành chính đảm bảo hoạt động ổn định trong toàn trường. Năm 2018 mặc dù một số cán bộ có học hàm đã nghỉ hưu nhưng số lượng Giáo sư, Phó giáo sư tăng đáng kể so với 2017. Quy trình tuyển dụng đã được tổ chức thực hiện linh hoạt nên Trường đã tuyển được các Tiến sĩ trẻ học tập và công tác từ các nước tiên tiến về công tác, có 15 TS trong tổng số 22 cán bộ mới tuyển dụng.

- Trường chủ trương chuyển đổi sang cơ chế ký hợp đồng làm việc đã tăng tính hiệu quả trong việc sử dụng lao động đồng thời điều chỉnh tinh gọn quy mô biên chế của

Trường. Trường đang triển khai xây dựng quy định chế độ phụ cấp ưu đãi khi ký hợp đồng đối với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, nhà khoa học là người nước ngoài để đảm bảo nhu cầu giảng dạy và NCKH, khai thác triệt để tối đa năng lực của mỗi người, nâng cao tính chuyên nghiệp trong công việc chuyên môn.

- Công tác sắp xếp, điều chuyển và quy hoạch vị trí việc làm đã được thực hiện tại các đơn vị và trong phạm vi toàn Trường. Nhằm tối ưu hóa việc sử dụng cán bộ và tạo điều kiện để cán bộ của Trường có việc làm ổn định, Nhà trường đã điều chuyển 65 nhân phục vụ từ Phòng Quản trị và Phòng Bảo vệ (cũ) và sang Trung tâm phục vụ Bách khoa.

- Trường đã quan tâm hơn tới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đầu tư kinh phí để tổ chức các lớp như:

o Bồi dưỡng năng lực quản lý của cán bộ quản lý diện quy hoạch từ đơn vị cấp 2 trở lên về Xây dựng và phát triển chiến lược tổ chức, chiến lược phát triển đào tạo, chiến lược phát triển khoa học công nghệ, quản trị chiến lược, quản trị nguồn nhân lực, xây dựng bộ máy công quyền; tổ chức tọa đàm, hội thảo cho cán bộ quản lý về quản trị đại học...

o Bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Anh cho 39 cán bộ trên tổng số 150 cán bộ chưa đạt chuẩn tiếng Anh theo qui định của Trường.

o Bồi dưỡng viết và thuyết trình NCKH bằng tiếng Anh cho 20 cán bộ từ các khoa viện nhằm tăng khả năng viết báo và viết đề xuất các nhiệm vụ KHCN.

o Bồi dưỡng chứng chỉ gạch, nghiệp vụ sư phạm.

Bảng 1. Cơ cấu đội ngũ cán bộ viên chức

Năm	Tổng số CBVC	CBGD		PVGD	CBHC	CBNC
		Số lượng	Tỉ lệ			
2016	1927	1181	61,3%	221	521	4
2017	1886	1168	61,9%	211	503	4
2018	1798	1113	61,9%	200	480	5

Bảng 2. Phân bố trình độ, chức danh cán bộ giảng dạy

Năm	TS		ThS	ĐH	GS	PGS	CB, VC đang được đào tạo			
							Nước ngoài		Trong nước	
	Số lượng	Tỉ lệ/CBGD					NCS	CH	NCS	CH
2016	717	60,7%	430	34	23	221	15	3	8	2
2017	745	63,8%	391	31	23	216	10	1	10	1
2018	751	67,47%	341	21	25	225	7	1	1	0

b) Từ tháng 9 năm 2018, Trường đã triển khai phân bổ ngân sách cho các đơn vị trong toàn trường theo quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ mới. Các đơn vị đều thực hiện xác định các vị trí việc làm và hệ số lương tăng thêm tương ứng, quản lý việc thực hiện công việc của cán bộ để tính và chi trả lương tăng thêm hằng tháng. Các đơn vị quản lý khối cán bộ phục vụ đã thực hiện đánh giá cán bộ cuối mỗi tháng và điều chỉnh KPI cho tháng tiếp theo.

c) Công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý đơn vị cấp 2 cho nhiệm kỳ mới:

Công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý cho nhiệm kỳ mới 2018 - 2023 đã được thực hiện tốt. Nhà trường đã thực hiện đánh giá toàn bộ cán bộ quản lý cấp 2 hết nhiệm kỳ từ tháng 9 đến tháng 12/2018 bao gồm 31 cán bộ trưởng đơn vị cấp 2 và 64 cán bộ phó trưởng đơn vị cấp 2, thực hiện đúng quy trình và hoàn thành việc bổ nhiệm.

Những tồn tại, yếu kém:

- Tuy đã áp dụng mức chi trả thu nhập theo quy chế mới từ tháng 9 năm 2018, tuy nhiên còn một số ý kiến góp ý về một số điểm chưa phù hợp của Quy chế chi tiêu nội bộ (đã được lãnh đạo Trường tiếp thu và có phương án điều chỉnh). Thu nhập của cán bộ nói chung còn chưa cao, chưa đồng đều giữa các đơn vị, ảnh hưởng đến sự gắn bó của cán bộ với Trường và thực hiện công việc đạt chất lượng và hiệu quả. Một số cán bộ đã chuyển công tác trong năm 2018 sang các cơ sở giáo dục đại học khác hoặc cán bộ ở lại nước ngoài không trở về Trường sau khi làm NCS xong. Việc thu hút cán bộ giỏi về Trường cũng gặp khó khăn, một phần vì sự cạnh tranh mạnh từ các trường đại học trong khu vực và trên thế giới. Tổng số lượng cán bộ giảng dạy giảm, ở một số đơn vị cần nhanh chóng bổ sung để giảm tải giảng dạy.

- Năm 2018 mới chỉ đào tạo đạt chuẩn tiếng Anh được 26% cho số giảng viên chưa đạt chuẩn (so với mục tiêu là 30%). Lý do các cán bộ thuộc diện đi đào tạo khó sắp xếp được thời gian để thực hiện khoá học mặc dù đã bố trí 02 lớp có lịch học khác nhau để các ứng viên có thể lựa chọn linh hoạt.

3. Phát triển khuôn viên, hiện đại hóa cơ sở vật chất

a) Năm 2018, Trường đã từng bước thực hiện chuẩn bị đầu tư xây dựng khuôn viên II: Xây dựng nhiệm vụ Quy hoạch 1/500 khuôn viên I, Quy hoạch vị trí cho các đơn vị, chuẩn bị lập báo cáo chủ trương xây dựng khuôn viên II.

b) Thực hiện đầu tư cải tạo phòng học, phòng làm việc cho cán bộ; nâng cấp phòng thí nghiệm, thực hành cơ sở, bao gồm:

- Nhà D6 đã được hoàn thành cải tạo và đưa vào sử dụng từ học kỳ 2 năm học 2017-2018 cho các chương trình ELITECH. Nhà D8 đã được hoàn thiện bên trong, hoàn thành các phòng học của tầng 2,3,4,5 đưa vào sử dụng tháng 9/2018.

- Tòa nhà BK-Shop và các công trình xung quanh được cải tạo khang trang trở thành điểm phục vụ cho cán bộ và sinh viên một cách thiết thực nhất.

- Tòa nhà Hitech cũng đã được cải tạo hoàn thành và đáp ứng các hoạt động của các đơn vị như Viện Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa, Viện Điện.

- Nâng cấp đưa vào sử dụng 07 phòng thí nghiệm cho các viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Kỹ thuật Hóa học, Cơ khí, Dệt may - Da giày và Thời trang, Vật lý Kỹ thuật, Điện, Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu với tổng dự toán phê duyệt 16.990 triệu đồng.

c) Trường đang triển khai để xây dựng các nhà xe thông minh với kinh phí dự toán là 3.200 triệu đồng; Tiếp tục thực hiện triển khai hệ thống giám sát bằng camera pha 2.

d) Năm 2018 tiếp tục sử dụng các biện pháp quản lý, vận hành trang thiết bị tiết kiệm năng lượng và phối hợp tốt với các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, mạng, điện thoại đảm bảo cung cấp điện, nước sạch, mạng điện thoại, Internet,.. ổn định trong toàn Trường (Bảng 5).

e) Các phòng chức năng cùng các đơn vị trong Trường đã tích cực thực hiện xúc tiến đầu tư để được phê duyệt và thực hiện các dự án từ nhiều nguồn kinh phí như:

- Tổ chức kỳ thi Vật lý Châu Á lần thứ 19 tại Việt Nam;

- Dự án đầu tư Phòng thí nghiệm Viện Kỹ thuật Hóa học và Dự án Tăng cường năng lực đào tạo và nghiên cứu phát triển ô tô;

- Dự án SAHEP đã được hoàn chỉnh cơ bản các thủ tục, Trường đã thành lập Ban quản lý dự án SAHEP để tiếp tục triển khai thực hiện dự án kịp tiến độ và có hiệu quả.

- Dự án tăng cường năng lực Nghiên cứu và phát triển công nghệ lõi 4.0.

- Dự án thuộc đề án Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Dự án “Phát triển năng lực và chuyển giao công nghệ tái chế chất thải điện tử tại Việt Nam”.

- Dự án “đổi mới khoa học công nghệ về cao su thiên nhiên cho chu trình carbon toàn cầu”.

- Dự án “Mô hình giao thông thông minh cho Việt Nam”. Phát triển và ứng dụng một hệ thống giao thông kết nối tối ưu giữa xe điện hai bánh và phương tiện công cộng.
- Dự án hợp tác với Công ty ACE Hàn Quốc để đầu tư phát triển Trung tâm nghiên cứu chung với nguồn kinh phí dự tính khoảng 5 triệu USD đã hoàn thành đàm phán và chuẩn bị thủ tục để ký kết hợp đồng.

Bảng 3: Thống kê chung về phòng ốc, diện tích, thiết bị

Hạng mục	2018	Ghi chú
1. Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	309.550	
2. Tổng diện tích phòng làm việc (m ²)	14.553	
3. Tổng số phòng học	241	
4. Tổng diện tích phòng học tại đơn vị (m ²)	22.065	
5. Tổng số phòng thí nghiệm, thực hành và xưởng thực tập	222	Xưởng thực tập là 40
6. Tổng diện tích xưởng thực tập (m ²)	6.678	
7. Tổng diện tích phòng thí nghiệm (m ²)	15.842	
8. Tổng số máy tính	2.409	
- Phục vụ cán bộ nghiên cứu, làm việc, công tác hành chính	1.079	
- Phục vụ đào tạo SV	1.330	
9. Tổng số điều hòa	815	
- Phục vụ cán bộ làm việc	346	
- Phục vụ đào tạo SV (giảng đường)	469	Toàn bộ giảng đường đào tạo đã được trang bị điều hòa
10. Tổng số máy chiếu (phục vụ giảng đường)	206	

Bảng 4: Sửa chữa nhỏ các văn phòng, phòng TN, các tòa nhà...mua sắm đồ gỗ, trang bị nội thất đã thực hiện năm 2018

STT	Hạng mục	Số tiền (triệu VNĐ)
1	Mua sắm bàn ghế nội thất nhà D6	1.124
2	CTSC hạ tầng nhà để xe D3, D3-5, sân D3-5	450
3	CTSC các khu VS nhà B1	2.575
4	CTSC nhà khách	980
5	Làm mới văn phòng Trung tâm Truyền thông (phần xây dựng)	556
6	CTSC sửa chữa khu nhà Viện ĐTVT (B4 - cạnh TTYTẾ)	611
7	CTSC khu vệ sinh nhà B4 Đang sửa chữa khu VS tầng 1, 2 giảng đường B4	496
8	Sửa chữa trong nhà: HT tầng 10, mái tầng 10...	490
9	Sửa chữa khu nhà để xe C4, C5	498
10	Trang bị nội thất bàn ghế, bục giảng, bảng nhà D8	4.376
11	Nhà căng tin Viện ĐTLT	326
12	Hạ tầng nhà A17	300
13	Cải tạo phòng 206, 215, 216 nhà C2	118
14	Cải tạo các phòng nhà C1 215, 216, 217	154
15	KH sửa và thông gió trạm biến áp	220
16	KH và dự toán sửa chữa các hạng mục phát sinh, PCCC nhà B1	423
Tổng cộng		13.697

Bảng 5: Tổng hợp chi điện, nước, điện thoại, internet 2016-2018

Năm	Điện (VNĐ)	Nước (VNĐ)	Điện thoại (VNĐ)	Internet (VNĐ)
2016	15,361,200,213	2,814,755,506	411,394,405	1,894,200,000
2017	16,130,106,757	2,929,643,431	370,169,429	1,673,532,301
2018	16,892,131,843	2,325,237,656	303,507,857	1,516,725,956

Những tồn tại, yếu kém:

- Chưa thực hiện một số nhiệm vụ về quy hoạch sau: quy hoạch 1/500 các ô đất phục vụ cho các nhu cầu có thể chuyển đổi mục đích sử dụng phục vụ cho phương án tài chính đầu tư khuôn viên II; quy hoạch 1/500 ô đất Khuôn viên II vì đề xuất thay đổi địa điểm; quy hoạch vị trí cho các đơn vị trong Trường đến năm 2025; Phương án đền bù để xây dựng Nhà B2.

- Tiến độ lập và chuẩn bị thực hiện một số dự án còn chậm.

- Nhiệm vụ xây dựng các tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc trang thiết bị, diện tích sử dụng, bàn, ghế, tủ... chưa hoàn thành theo kế hoạch do sự phối hợp giữa phòng chức năng và các đơn vị chưa đạt hiệu quả thực hiện công việc theo yêu cầu.

- Kể từ khi thực hiện thí điểm tự chủ cho đến nay, Trường được chủ động sử dụng trong nguồn thu ngân sách để đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ giảng dạy và nghiên cứu, tuy nhiên việc thực hiện còn gặp nhiều bất cập, khó khăn về thủ tục hành chính với các cơ quan quản lý nhà nước.

4. Phát triển đào tạo chất lượng cao định hướng thị trường

a) Tích cực thực hiện công tác kiểm định chương trình đào tạo:

- Đã hoàn thành tổng hợp và phân tích các kết quả kiểm định sau khi có kết quả kiểm định 7 chương trình đào tạo năm 2017, các vấn đề cần được cải tiến đã được triển khai cho các chương trình đang thực hiện tự đánh giá.

- Hoàn thành báo cáo tự đánh giá tiếng Việt cho 08 chương trình đào tạo kỹ sư theo AUN-QA (Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Cơ khí động lực, Kỹ thuật Hàng không, Kỹ thuật Điện, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá, Kỹ thuật In, Kỹ thuật Sinh học, Kỹ thuật Thực phẩm), cơ bản đáp ứng các thủ tục yêu cầu của AUN-QA với các báo cáo và minh chứng. Đăng ký thành công kế hoạch kiểm định 4 chương trình đào tạo (6/2019) và sẵn sàng chờ lịch đăng kí kế hoạch kiểm định 04 chương trình đào tạo trong đợt 2 (10/2019) với tổ chức AUN-QA năm 2019.

- Đang thực hiện tự đánh giá 09 chương trình đào tạo đại học chính quy năm 2018 theo AUN-QA: Toán tin Ứng dụng, KSCNTT Việt Nhật-ICT, Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật Nhiệt lạnh, Kỹ thuật Dệt, Công nghệ May, Vật lý kỹ thuật, Kỹ thuật Tàu thủy, Kỹ thuật Hạt nhân. Một số chương trình đào tạo gần hoàn thành (Kỹ thuật Hạt nhân, Kỹ thuật Tàu thủy, Toán tin Ứng dụng).

b) Công tác tuyển sinh đại học chính quy năm 2018 đặc biệt là đào tạo ELITECH và đào tạo quốc tế đạt kết quả tốt về chất lượng và đạt chỉ tiêu dự kiến (Bảng 6):

- Về quy mô tuyển sinh, 6322 thí sinh nhập học đạt trên 102% so với năm 2017. Các chương trình ELITECH và chương trình đào tạo quốc tế tuyển sinh khá tốt, đa số vượt chỉ tiêu dự kiến (ELITECH ~13%, SIE ~ 8%).

- Về chất lượng tuyển sinh, ĐHBK Hà Nội giữ vững vị trí cạnh tranh so với các trường đại học top đầu với 80% thí sinh trúng tuyển đạt tổng điểm 3 môn thuộc các khối A00, A01 và B00 (không tính điểm ưu tiên khu vực/đối tượng) thuộc nhóm 13,6% thí sinh có điểm cao nhất của cả nước (tỉ lệ này của năm 2017 là 15%). Đặc biệt, số thí sinh đạt từ 25,0 trở lên (thuộc top 0,45% có điểm cao nhất toàn quốc) là 461 em, chiếm tỉ lệ 27,6% toàn quốc. Năm 2018 trong số thí sinh nhập học có tới 1.500 nữ sinh, chiếm tỉ lệ 23,7%.

Bảng 6. Quy mô đào tạo đại học và sau đại học

Năm học	Quy mô	Tổng	NCS	CH	ĐHCQ	ĐHVLVH	ĐTQT
2016-2017	Tổng số	37.263	679	2.857	28.758	3.530	1.439
	Tuyển mới	8.083	126	1.192	5.414	975	376
	Tốt nghiệp	6.778	80	1.126	4.096	1.476	118
2017-2018	Tổng số	36.647	527	2.638	29.457	2.590	1.435
	Tuyển mới	7.306	111	745	6.028	~1.000	368
	Tốt nghiệp		77	1125	4.365	~1200	177
2018-2019	Tổng số		481	2.060	30.821 299 (VB2)		1.619
	Tuyển mới		38	628	6.330 231 (VB2)	240	494
	Tốt nghiệp		72	531	-	407	

c) Triển khai rộng rãi việc lấy ý kiến phản hồi của người học, thúc đẩy nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy của từng môn học:

- Hệ thống thu thập ý kiến phản hồi đã được hoàn thành và đã được triển khai sử dụng từ học kỳ 1 năm học 2017-2018 để tiếp nhận, tổng hợp các phản hồi của sinh viên về giảng viên, chất lượng giảng dạy và tổ chức đào tạo, các điều kiện phục vụ học tập.

- Đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo Trường được tổ chức thường niên bên cạnh các kênh thông tin phản hồi khác để giúp cho sinh viên hiểu sâu sắc hơn về các chủ trương, chính sách của Nhà trường cũng như giúp Trường tiếp nhận và tháo gỡ các vướng mắc của sinh viên.

d) Tổ chức phát triển chương trình đào tạo và đổi mới phương pháp giảng dạy và học tiếng Anh cho sinh viên:

- Hoàn thành 32/33 chương trình cử nhân theo mô hình tiếp cận CDIO; 30 chương trình tích hợp cử nhân - thạc sĩ.

- Tổ chức thí điểm áp dụng công nghệ dạy học theo Blended Learning cho 3 học phần trong học kỳ 1 năm học 2018-2019 với trên 2000 sinh viên theo học; tổ chức các lớp nâng cao trình độ tiếng Anh (15 tuần) theo phương pháp Blended Learning cho gần 1200 sinh viên.

e) Hợp tác quốc tế và hợp tác doanh nghiệp trong đào tạo chất lượng cao được đẩy mạnh:

- Công tác hợp tác quốc tế được đẩy mạnh, khai thác trao đổi sinh viên và hợp tác đào tạo chất lượng cao: 96 suất học bổng sinh viên và 72 suất cho giảng viên tham gia các chương trình trao đổi quốc tế ngắn hạn với tổng kinh phí 10,8 tỷ đồng; 6 chương trình hợp tác liên kết đào tạo với doanh nghiệp (kí mới và thực hiện trong 2018).

- Số lượng các doanh nghiệp hợp tác với Trường trong việc hỗ trợ hoạt động sinh viên tăng mạnh. Số học bổng khai thác từ DN tăng hơn 30%, tỷ lệ sinh viên có việc làm thông qua các buổi hội thảo việc làm đạt trên 50% tổng số sinh viên tốt nghiệp. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng đã hợp tác với Nhà trường trong nhiều hoạt động hỗ trợ đào tạo như tiếp nhận sinh viên thực tập, tham quan thực tế nhà máy, tổ chức các khóa học kỹ năng, ...

Những tồn tại, yếu kém:

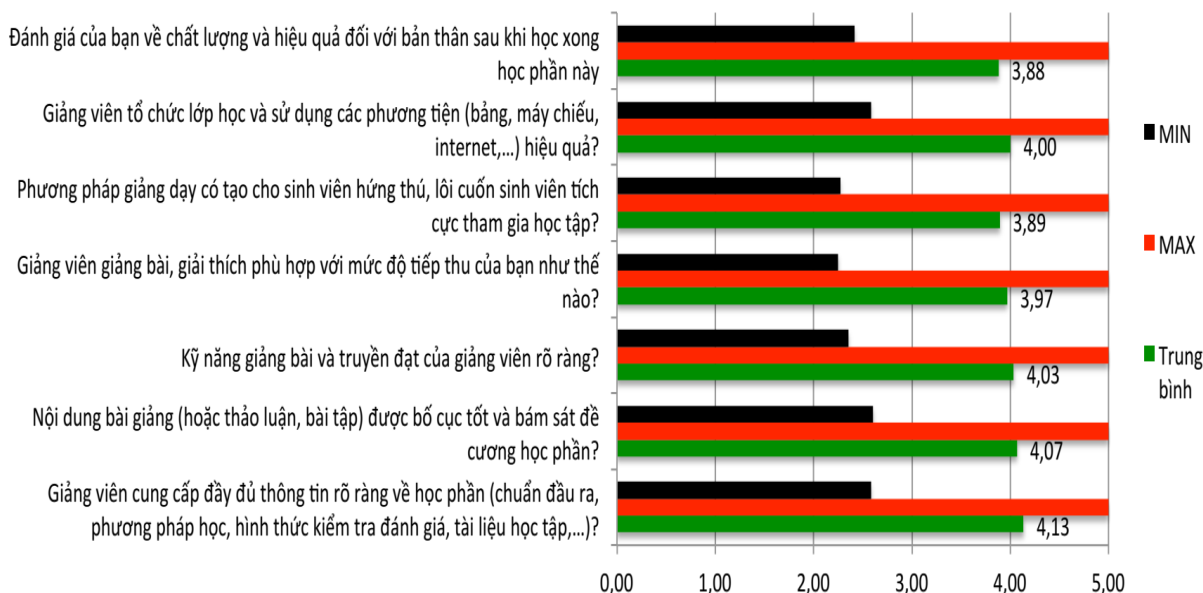
- Công tác tuyển sinh sau đại học còn nhiều hạn chế, quy mô tuyển sinh giảm, chưa tương xứng với định hướng nghiên cứu của Trường. Nguyên nhân do cạnh tranh mạnh của các trường trong và ngoài nước, chương trình chưa mang lại nhiều lợi ích gia tăng cho người học, công tác truyền thông, tiếp thị chưa tốt, chưa có chế độ học bổng phù hợp, mô hình đào tạo tích hợp chưa tạo sự khác biệt để thu hút người học.

- Công tác hỗ trợ, tư vấn học tập chưa đạt hiệu quả cao. Số lượng sinh viên tốt nghiệp đúng hạn vẫn còn ở mức thấp. Số lượng sinh viên bị cảnh cáo học tập do kết quả học tập yếu kém trong năm 2018 không giảm (Bảng 7). Nhóm nguyên nhân chính dẫn tới sinh viên có kết quả học tập yếu kém bao gồm: (i) thường xuyên bỏ học, bỏ thi để chơi game online (số này chiếm khoảng 75% số trường hợp được phòng Đào tạo tư vấn), (ii) dành quá nhiều thời gian cho làm thêm (chiếm khoảng 10%), (iii) các nguyên nhân khác (15%) nhưng không được hỗ trợ kịp thời nên chán nản mất phương hướng và mất động lực học tập, trầm cảm, gặp các biến cố lớn trong cuộc sống v.v. . Năng lực tiếng Anh của sinh viên nói chung còn thấp (tỉ lệ không đạt chuẩn ngoại ngữ theo trình độ năm học đầu kỳ 20181 là 19,9%) do thiếu động lực và nỗ lực học tập ngoại ngữ, phương pháp, phương tiện giảng dạy và đánh giá người học thiếu hiệu quả. Kỷ cương học đường chưa được cải thiện rõ rệt so với năm trước.

Bảng 7. Tiến bộ học tập của sinh viên

Học kỳ	20151	20152	20161	20162	20171	20172
Số bị CCHT	3.580	3.397	3.854	4.081	3.735	3.744
Tổng số SV	27.750	26.613	28.711	27.123	29.578	28.912
Tỷ lệ % CCHT	13%	13%	13%	15%	12,6%	12,9%

- Đổi mới phương pháp giảng dạy vẫn rất chậm. Chất lượng, hiệu quả giảng dạy cho sinh viên chưa cao. Phương pháp, phương tiện giảng dạy đánh giá thấp nhất, chưa đạt trung bình (Hình 1).



Hình 1. Kết quả khảo sát chất lượng giảng dạy

- Đề án phát triển chương trình đào tạo chậm theo kế hoạch do có khó khăn trong quá trình triển khai tại một số hội đồng chương trình (chuẩn đầu ra phải chỉnh sửa nhiều lần, chưa nắm vững phương pháp tiếp cận CDIO); công tác tổ chức thẩm định chương trình còn chậm.

5. Tập trung nguồn lực nâng cao năng lực và hiệu quả nghiên cứu

a) Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2018 - 2025, định hướng 2030 đã được hoàn thành thông qua đánh giá hoạt động KHCN của toàn trường, các đơn vị qua các tiêu chí: đội ngũ cán bộ, số lượng học viên sau đại học, kinh phí nghiên cứu, công bố, hướng nghiên cứu. Trong đó, 04 lĩnh vực KHCN ưu tiên phát triển đã xác định và được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua: 1/ Công nghệ dữ liệu và hệ thống thông minh; 2/ Năng lượng và môi trường bền vững; 3/ Vật liệu mới; 4/ Khoa học và công nghệ sức khỏe.

b) Kinh phí nghiên cứu từ NSNN đạt gần gần 82 tỉ (tăng khoảng 10% so với năm 2017). Số lượng các công trình công bố năm 2018 giữ ở mức ổn định so với năm trước, theo cơ sở dữ liệu của Scopus (đến ngày 21/12/2018) toàn trường có 489 công bố trên hệ thống so với 497 của năm 2017. Trường giữ vững vị trí thứ nhất trong bảng xếp hạng SCImago đối với các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam.

c) Quy định về xét chọn, thực hiện và đánh giá đề tài nghiên cứu cấp cơ sở đã được ban hành hướng tới hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữ nghiên cứu với đào tạo sau đại học.

d) Tích cực hỗ trợ các nhóm nghiên cứu xây dựng, thực hiện đề tài và dự án các cấp: cấp Nhà nước (07 đề xuất, 04 được phê duyệt), NĐT (07 đề xuất), Chương trình vật lý (07 đề xuất/02 được phê duyệt), dự án First (06 đề xuất, 04 được phê duyệt), dự án ODA (02 đề xuất), Chương trình phát triển khoa học cơ bản trong lĩnh vực Hóa học, Khoa học sự sống, Khoa học trái đất và Khoa học Biển, Chương trình Vật lý cho tiến sĩ trẻ...

Bảng 8. Thống kê chung về hoạt động KHCN

Chỉ số		2015-2016	2016-2017	2017-2018
Số lượng đề tài khoa học đã thực hiện	Cấp nhà nước	42	53	69
	Cấp bộ	85	93	49
	Nghị định thư	7	5	3
	Cấp sở/ngành/địa phương	3	1	4
	Cấp Trường	195	256	186
	Cấp CS hợp tác DN	4	4	
Tổng kinh phí thực hiện (triệu VNĐ)		56.759	74.166	81.734
Số lượng công trình khoa học đăng trên các tạp chí khoa học	Tạp chí ISI	192	361	284
	Tạp chí Scopus	98	31	59
	Tạp chí quốc tế khác		63	77
	Tạp chí trong nước	541	688	588
Số lượng báo cáo khoa học tại các hội nghị	Quốc tế	217	314	373
	Cấp quốc gia	284	408	306
Số phát minh, sáng chế, giải pháp đã đăng ký, giải pháp KH-CN cấp ngành trở lên		22	21	15
Số phát minh, sáng chế, giải pháp đã được cấp bằng		3	8	6
Số lượng đề tài NCKH của sinh viên		415	444	409
Số lượng sinh viên NCKH		904	875	906

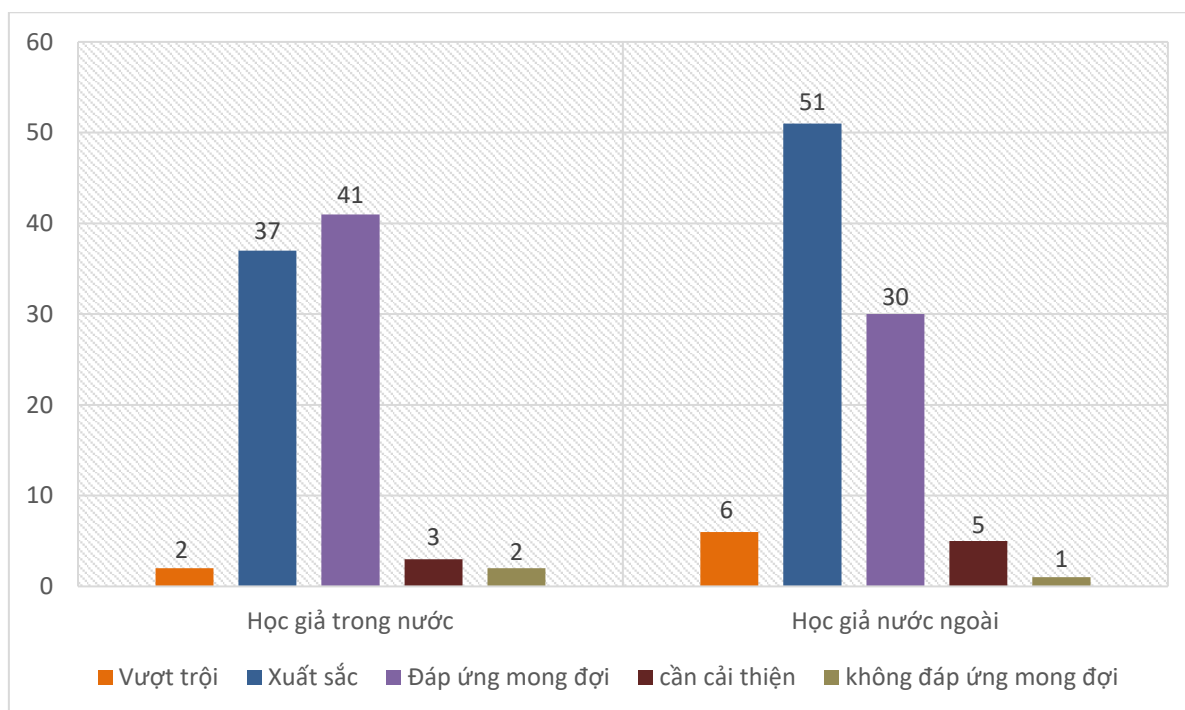
e) Số lượng bằng sáng chế và giải pháp hữu ích đăng ký và được cấp vẫn giữ ở mức ổn định so với năm trước với 15 đơn đã đăng ký và 6 văn bằng được cấp.

f) Dự án nâng cấp Tạp chí đã hoàn thành, làm tiền đề cho việc phát triển tạp chí trong hướng chú trọng đổi mới và củng cố chất lượng. Hệ thống tạp chí trực tuyến đang được

hoàn thiện từng bước nhằm đảm bảo tiếp cận rộng rãi với người sử dụng và đơn giản hóa được các thủ tục nộp bài và xử lý bài. Số lượng phát hành đã tăng lên 8 số mỗi năm trong đó có 5 số tiếng Anh, chia 3 phân ban riêng biệt, 3 số tiếng Việt. Về cơ cấu tổ chức chuyên môn đã triển khai hệ thống Biên tập viên chính cho các phân ban để xử lý sát sao nội dung chuyên môn.

Những tồn tại, yếu kém:

- Hệ thống thông tin quản lý KHCN chưa được triển khai nên các đơn vị được phân cấp gặp khó khăn trong việc cập nhật số liệu từ các đơn vị cho báo cáo và đánh giá.
- Chưa kịp thời xây dựng và ban hành các văn bản quản lý: Quy định về Nhóm nghiên cứu và Phòng thí nghiệm nghiên cứu và Quy định quản lý nghiên cứu đã hoàn thành dự thảo nhưng chưa được lấy ý kiến rộng rãi để ban hành.
- Các đề tài cấp cơ sở chưa được giám sát chặt chẽ và chưa được đánh giá về hiệu quả sau khi được phân cấp về các đơn vị dẫn đến nhiều đề tài có chất lượng chuyên môn thấp và nhiều cán bộ giảng dạy chỉ coi việc thực hiện đề tài cấp cơ sở chỉ để lấy thành tích nghiên cứu.
- Thành tích nghiên cứu khoa học còn thấp so với tiềm năng của đội ngũ cán bộ. Sự liên kết, hợp tác giữa các nhóm nghiên cứu trong Trường còn yếu.
- Tỷ trọng kinh phí thu từ hợp tác KHCN với doanh nghiệp chưa cao. Hoạt động quản lý sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ chưa có sự chuyển biến rõ rệt.
- Uy tín khoa học chưa được giới học giả trong nước và quốc tế đánh giá cao (Hình 2) và chưa tạo được sự quan tâm của giới học giả.



Hình 2. Đánh giá của học giả về uy tín khoa học

6. Xây dựng cơ chế hỗ trợ khởi nghiệp và thúc đẩy chuyển giao công nghệ

a) Với định hướng lấy người học làm trung tâm, các chuỗi hoạt động về hỗ trợ khởi nghiệp đã được triển khai và đạt hiệu quả tốt, tạo sự hào hứng nghiên cứu sáng tạo, kết nối người học với các nguồn lực hỗ trợ, lan tỏa đam mê tới sinh viên trong nước và các lớp học sinh tương lai của nhà trường. Các nghiên cứu và sản phẩm sáng tạo đã có sự gắn kết ngày càng tốt với thực tế, với các doanh nghiệp và các đơn vị bên ngoài. Nhiều sản phẩm

được doanh nghiệp đánh giá cao, trao giải thưởng và liên hệ đặt hàng. Nhiều nghiên cứu có kết quả là các công bố quốc tế với tác giả chính là sinh viên với tỷ lệ sinh viên tham gia đạt 50%, các đề tài khoa học của sinh viên dự thi cấp Bộ với tỷ lệ đạt giải là 40%.

b) Cuộc thi Sáng tạo trẻ Bách khoa 2018 được tổ chức đã đạt những thành công đáng kể bước đầu. Cuộc thi cũng thu hút được Tập đoàn VNPT tham gia với tư cách nhà tài trợ chính và sẽ lựa chọn ra 10 đề án xuất sắc được hỗ trợ tài chính để phát triển sản phẩm. Các đề tài tham gia dự thi được tiếp tục ươm tạo bởi hệ thống doanh nghiệp của nhà trường nhằm phát triển sản phẩm hướng tới thương mại hoá.

c) Các hoạt động nền được triển khai rộng rãi và từng bước được chuyên nghiệp hóa thông qua hệ thống câu lạc bộ nghiên cứu sáng tạo của sinh viên, trong đó có 7 câu lạc bộ đã được chính thức công nhận trong hệ thống.

Những tồn tại, yếu kém:

- Hoạt động của các câu lạc bộ sinh viên nghiên cứu sáng tạo chưa thu hút được sự quan tâm của lãnh đạo một số viện chuyên môn.

- Chuyển giao tri thức, công nghệ còn yếu. Số đề tài, dự án, sản phẩm và kinh phí từ chuyển giao tri thức thu hút sự quan tâm của doanh nghiệp còn quá ít. Kinh phí chuyển giao công nghệ qua BK-Holdings năm 2018 chỉ đạt 12 tỉ đồng. Chưa tạo được cơ chế hỗ trợ linh hoạt, chuyên nghiệp cho các hoạt động chuyển giao tri thức.

7. Xây dựng hệ thống tài chính vững mạnh

a) Nhà trường đã tăng mức học phí đối với các khóa, tăng cao hơn đối với khóa mới nhập học tuy nhiên vẫn thấp hơn nhiều so với quy định của Chính phủ. Bên cạnh đó, Nhà trường đã làm tốt công tác đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đào tạo trước thời điểm tăng học phí và làm tốt công tác truyền thông nên việc tăng học phí không gây bức xúc trong sinh viên, đạt được kết quả tuyển sinh tốt năm 2018.

b) Công tác quản lý tài chính có bước tiến triển tốt. Hệ thống thông tin quản lý tài chính toàn trường theo mô hình phân cấp nhưng giám sát tập trung đã hoàn thiện. Bộ phận mua sắm tập trung đã được thành lập trực thuộc phòng Kế toán - Tài chính. Tất cả các đơn vị trong Trường đã được hướng dẫn cài đặt, sử dụng phần mềm tài chính chung và quy trình mua sắm tập trung để áp dụng đồng bộ.

c) Từ tháng 9 năm 2018, Trường triển khai thực hiện các quy chế mới gồm: công tác cán bộ, quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ, thực hiện cơ chế đánh giá và trả lương tăng thêm cho cán bộ theo vị trí việc làm và kết quả thực hiện công việc. Trường phân cấp kinh phí tài chính cho các đơn vị chuyên môn tăng từ 5 đến 25% so với năm 2017, riêng từ tháng 9 năm 2018 kinh phí chi lương tăng thêm cho cán bộ tăng trung bình 40%. Một số đơn vị hỗ trợ hoặc dịch vụ đã thực hiện tự chi trả lương tăng thêm cho cán bộ từ nguồn thu hoạt động của đơn vị như Trung tâm y tế, Trung tâm thể thao văn hóa, Nhà xuất bản Bách khoa HN. Việc này đã tạo động lực để các đơn vị rà soát nghiêm túc việc sử dụng nhân lực và bố trí, sắp xếp lại đội ngũ giảng viên, cán bộ cân bằng hơn giữa các đơn vị và giữa các cán bộ trong mỗi đơn vị.

d) Tổng thu ngân sách tăng hơn 100 tỉ so với năm 2017 (Bảng 9).

e) Chi thường xuyên không tăng so với năm 2017, tuy nhiên tổng chi cho cá nhân đã tăng hơn 10% (Bảng 10). Dự kiến năm 2019 kinh phí phân cấp cho các đơn vị tăng trung bình khoảng 17%.

Bảng 9. Các nguồn thu ngân sách của Trường (triệu VNĐ)

TT	Nội dung	Thu 2017	Dự kiến 2018	Ước thực hiện 2018	Dự kiến 2019
A	Tổng thu ngân sách	686.895	795.000	788.292	827.350
I	Ngân sách nhà nước	44.640	150.000	149.275	111.000
II	Học phí. lệ phí	469.222	533.000	539.481	595.500
III	Hợp đồng KHCN	91.639	28.000	19.241	30.000
IV	Kinh doanh và dịch vụ	66.737	68.000	74.295	76.850
V	Tài trợ. quà tặng	11.256	12.000	6.000	10.000
VI	Thu khác	3.400	4.000		4.000

Ghi chú:

- Kinh phí nhiệm vụ KHCN chưa gồm các khoản thu ủy quyền cho các viện thực hiện;
- Kinh phí tăng cường CSVN: Đã bao gồm 2 dự án phòng TN của Viện CK động lực và KTHH; Chưa bao gồm kinh phí NN cấp cho dự án D8 và 60 năm;
- Kinh phí nhiệm vụ khác tăng hơn dự toán 2018 là do kinh phí APHO.

Bảng 10. Các khoản chi ngân sách của Trường (triệu VNĐ)

TT	Nội dung	Chi 2017	Dự kiến 2018	Ước thực hiện 2018	Dự kiến 2019
I	Thanh toán cho cá nhân	345.968	361.000	373.665	401.479
1	Chi thu nhập cho cán bộ	288.507	315.000	325.386	350.792
	Lương 1 và phụ cấp theo ngạch, bậc	149.165	155.000	159.162	164.733
	Lương 2 và các khoản phụ cấp khác	139.342	160.000	166.224	186.059
2	Các khoản đóng góp theo lương (BHXH. BHYT. BHTN. KP CĐ)	29.258	30.200	32.065	33.187
3	Thuê chuyên gia và HĐ lao động	14.237	15.800	16.214	17.500
II	Chi hỗ trợ người học	13.966	20.000	10.000	20.000
III	Chi cơ sở vật chất	94.410	127.000	100.462	99.979
1	Chi sửa chữa. duy tu và bảo dưỡng	29.512	30.000	45.462	14.331
2	Chi mua sắm tài sản. trang thiết bị	58.205	90.000	40.000	68.148
3	Vật tư văn phòng	6.694	7.000	5.000	2.500
4	Vật tư tiêu hao. thí nghiệm			10.000	15.000
IV	Chi dịch vụ	23.027	27.000	29.500	29.850
1	Năng lượng và dịch vụ công cộng	17.405	20.000	23.500	20.000
2	Thông tin. truyền thông	4.244	5.000	4.000	8.298
3	Chi phí thuê mướn khác	1.378	2.000	2.000	7.943
V	Chi chuyên môn nghiệp vụ	70.898	76.000	20.000	35.283
1	Công tác phí	2.416	3.000	2.000	7.199
2	Đào tạo cán bộ	1.007	3.000	2.000	1.200
3	Hoạt động chuyên môn	67.474	70.000	16.000	26.884
VI	Chi khác	4.589	5.000	6.906	0
	Cộng chi thường xuyên (I+II+III+IV+V+VI)	538.892	616.000	540.533	586.591
	Chi hoạt động KHCN và nhiệm vụ khác	90.000	100.000	39.714	65.000
	Chi thực hiện nhiệm vụ khác	60.000		2.154	
	Tổng cộng chi	688.892	716.000	582.401	651.591

Những tồn tại, yếu kém:

- Các nguồn thu của Trường mặc dù tăng khá, nhưng còn hạn hẹp so với yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực nghiên cứu khoa học và nhu cầu đầu tư phát triển để có khả năng cạnh tranh với các trường trong nước và trong khu vực.
- Mức thu nhập của cán bộ, nhất là cán bộ trẻ ở một số đơn vị còn thấp so với nhiều cơ quan, doanh nghiệp bên ngoài, chưa tạo động lực mạnh cho cán bộ chuyên tâm với công việc giảng dạy và nghiên cứu cũng như thu hút cán bộ giỏi về Trường làm việc.
- Quy chế chi tiêu nội bộ mới áp dụng có một số bất cập đã được lãnh đạo Trường tiếp thu từ các góp ý của cán bộ và sẽ điều chỉnh để phù hợp hơn trong năm 2019.

8. Nâng cao chất lượng các hoạt động hỗ trợ sinh viên

a) Quảng bá và triển khai chính sách học bổng mới, tìm kiếm sự hỗ trợ mạnh hơn từ các doanh nghiệp và cựu sinh viên: Năm 2018 số sinh viên nhận học bổng tăng 21% và số tiền thu được từ tài trợ học bổng cho sinh viên tăng 57,6% so với năm 2017 (Bảng 11).

Bảng 11. Học bổng tài trợ giai đoạn 2016 - 2018

Năm	Nội dung	Số sinh viên nhận học bổng	Số tiền VNĐ
2016	Các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế	323	3.033.000.000
	Doanh nghiệp trong nước	217	745.500.000
	TỔNG 2016	540	3.778.500.000
2017	Các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế	298	2.386.250.000
	Doanh nghiệp trong nước	166	776.500.000
	TỔNG 2017	464	3.162.750.000
2018	Các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế	353	3.862.750.000
	Doanh nghiệp trong nước	209	1.124.600.000
	TỔNG 2018	562	4.987.350.000

b) Tăng cường đối thoại và lắng nghe ý kiến phản hồi từ sinh viên:

- Đã tạo kênh thông tin dành riêng cho sinh viên các khóa, thu thập ý kiến phản hồi và giải quyết triệt để những vấn đề sinh viên phản ánh, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc để tạo điều kiện học tập tốt nhất cho sinh viên.

- Tổ chức buổi đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo Trường. Buổi đối thoại đã giúp cho SV hiểu sâu sắc hơn về các chủ trương, chính sách của Nhà trường cũng như giúp Trường tiếp nhận và tháo gỡ các vướng mắc của sinh viên.

c) Đổi mới công tác cố vấn học tập và tư vấn sinh viên:

- Cải cách thủ tục hành chính và tin học hóa công tác hỗ trợ, tư vấn để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên.

- Trường đang thí điểm các dịch vụ hành chính sinh viên theo hình thức trực tuyến đối với sinh viên K63 và K62.

- Công tác CVHT&QLSV trong năm học vừa qua cũng đã có nhiều sự thay đổi tích cực. Phòng CTSV đã chủ động phối hợp với phòng ĐT và các viện trong công tác tổ chức CVHT và QLSV. Theo kết quả khảo sát sinh viên thì công tác CVHT và QLSV đã được đánh

giá tích cực và đã giúp ích cho sinh viên rất nhiều trong quá trình lập kế hoạch học tập, phần nào góp phần vào việc tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn của Trường trong năm học vừa qua.

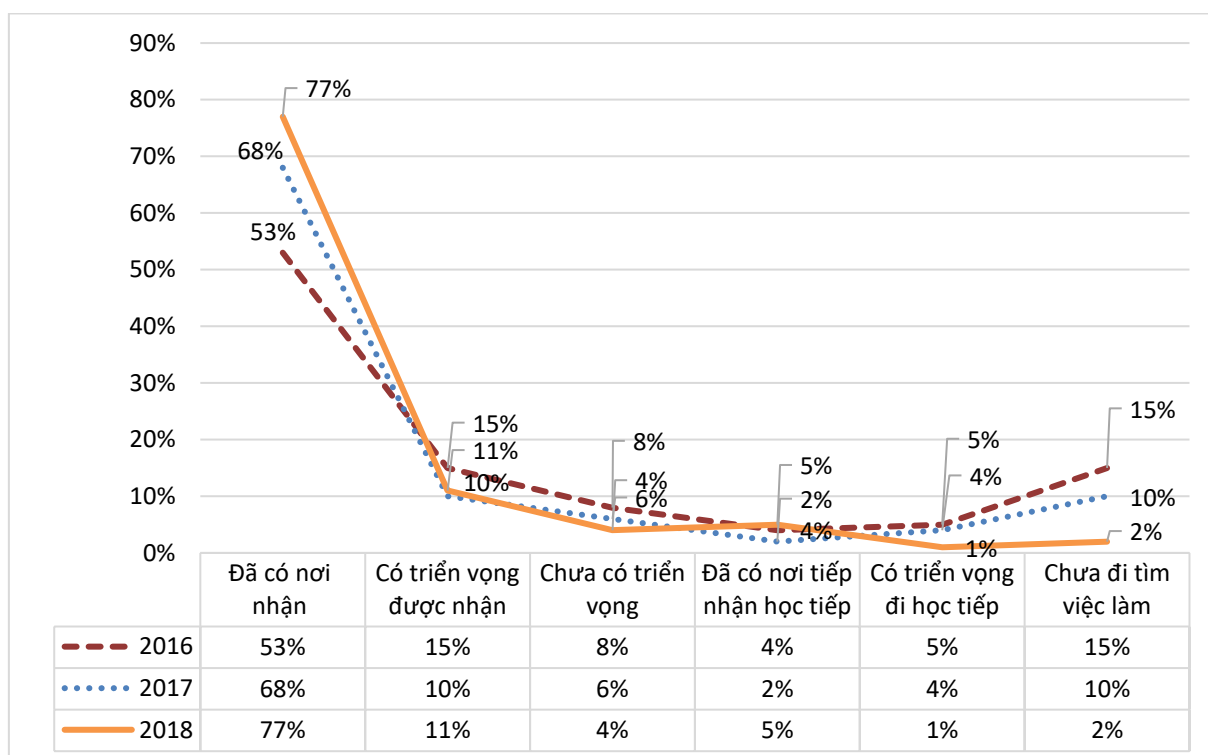
d) Công tác văn hóa, văn nghệ, thể thao:

- Đã tổ chức các chương trình văn nghệ phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn của Đất nước và của Trường. Phối hợp với TT Thể thao Văn hóa, Đoàn thanh niên tổ chức các giải thể thao cho sinh viên trong toàn Trường. Đội tuyển bóng đá nam sinh viên đoạt giải nhì giải bóng đá sinh viên các trường ĐH và CĐ Hà Nội năm 2018, Đội bóng rổ nữ đoạt giải ba,... Thông qua các hoạt động này đã góp phần vào việc xây dựng hình ảnh một trường ĐHBK năng động và toàn diện.

e) Công tác hướng nghiệp, hỗ trợ việc làm sinh viên:

- Công tác hướng nghiệp và hỗ trợ việc làm cho sinh viên trong năm 2018 đã đạt được hiệu quả rõ rệt: số lượng doanh nghiệp có hợp tác với Trường trong việc hỗ trợ hoạt động sinh viên tăng mạnh, số học bổng khai thác từ doanh nghiệp tăng hơn 30%, tỷ lệ sinh viên có việc làm thông qua các buổi hội thảo việc làm đạt trên 50% tổng số sinh viên tốt nghiệp. Ngoài ra, Trường và các viện cũng đã tạo được các mối quan hệ với doanh nghiệp để hỗ trợ cho các hoạt động như: tiếp nhận sinh viên thực tập; tham quan thực tế nhà máy; tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng cho sinh viên; ...

- Nhờ công tác hỗ trợ việc làm, hướng nghiệp cho sinh viên, tỉ lệ sinh viên ra trường có việc làm sau 2 tháng tăng rõ rệt (Hình 3). Tỉ lệ sinh viên ra trường có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp khá cao, tính cả số đi học tiếp sau đại học đạt 90% (Bảng 12) so với tỉ lệ trung bình toàn hệ thống là 81%.



Hình 3. Tình trạng việc làm (sau 2 tháng)

Bảng 12. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 12 tháng được khảo sát trong 2 năm 2017 và 2018

TT	Trình độ/khối ngành	Năm 2017				Năm 2018 (sau 6 tháng)			
		Số SV tốt nghiệp	Số SV được khảo sát	Số SV có việc làm	Tỷ lệ % có việc làm/Số được khảo sát	Số SV tốt nghiệp	Số SV được khảo sát	Số SV có việc làm	Tỷ lệ % có việc làm/Số được khảo sát
	Tổng cộng	3501	3144	2771	88	3925	3030	2554	85
I	Khối ngành I: Sư phạm kỹ thuật	12	16	15	93,8	9	9	9	100
II	Khối ngành III: Kinh tế	206	206	170	82,5	166	123	90	71
III	Khối ngành V:	3150	2789	2471	89	3572	2777	2357	85
1	Cơ khí	679	573	504	88	719	596	494	83
2	Cơ khí động lực	119	108	97	90	269	210	180	86
3	Nhiệt lạnh	51	50	48	96	69	55	48	87,3
4	Điện	473	465	430	90	563	423	364	86
5	Điện tử viễn thông	489	358	325	91	378	170	149	88
6	Công nghệ thông tin và truyền thông	471	463	426	92	500	404	384	95
7	Toán tin ứng dụng	42	33	33	100	31	14	14	100
8	Kỹ thuật hóa học	316	270	221	82	388	335	275	82
9	Công nghệ TP và công nghệ SH	245	230	177	77	268	232	180	79
10	KH và CN Môi trường	91	79	65	82,3	100	82	59	72
11	Dệt may	68	61	57	93,4	119	116	95	82
12	Khoa học và Kỹ thuật vật liệu	64	58	50	86,2	79	60	50	83,3
13	Vật lý kỹ thuật	19	18	16	90	56	50	43	86
14	KTHN và VLMT	23	23	22	96	33	30	22	73,3
IV	Khối ngành VII (Ngoại ngữ)	133	133	115	86,5	178	121	98	82

Những tồn tại, yếu kém:

- Việc cải cách thủ tục hành chính và tin học hóa công tác quản lý, hỗ trợ sinh viên còn chậm.
- Chưa triển khai đồng bộ và hiệu quả hệ thống kênh thông tin tương tác, cố vấn và tư vấn học tập cho sinh viên và phụ huynh.
- Chưa xây dựng được cơ chế khuyến khích và hỗ trợ các câu lạc bộ sinh viên, các hoạt động khởi nghiệp, sáng tạo sinh viên. Đặc biệt chưa tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, thực tập, phát triển các kỹ năng cho sinh viên.
- Công tác hỗ trợ sinh viên quốc tế, đẩy mạnh các hoạt động giao lưu văn hóa, trao đổi sinh viên quốc tế chưa được quan tâm đúng mức.
- Chưa chuyên nghiệp hóa trong công tác hỗ trợ phát triển kỹ năng làm việc và giới thiệu việc làm cho sinh viên.

8. Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển hợp tác - đối ngoại

a) Năm 2018 là một năm hoạt động hợp tác đối ngoại diễn ra sôi nổi và đạt đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ như thu hút được sinh viên quốc tế, học giả nước ngoài đến trao đổi và làm việc tại Trường. Ngoài ra thu hút được nhiều kinh phí cho đề tài nghiên cứu, học bổng cho sinh viên (Bảng 13). Trường đã tổ chức nhiều buổi gặp gỡ, buổi nói chuyện, hội thảo với sự tham gia của các đối tác trong và ngoài nước gồm cả các trường đại học và doanh nghiệp. Qua đó mở ra nhiều cơ hội hợp tác tiềm năng trong đào tạo và nghiên cứu cũng như xây dựng cơ sở vật chất có thể kể đến SAP, Ericson, Intel, GE, Samsung Display, KU Leuven, Ensymm, Xinova, văn phòng Đài Bắc và các trường đại học, doanh nghiệp Đài Loan, ...

Bảng 13. Kết quả hoạt động HTQT năm 2018

TT	Hoạt động	Năm 2018
1	- Số suất học bổng sinh viên tham gia các chương trình trao đổi quốc tế ngắn hạn - Số suất cán bộ đi trao đổi nước ngoài	96 72
2	Tổng kinh phí nhận tài trợ cho các chương trình trao đổi quốc tế ngắn hạn cho sinh viên và cán bộ	10,8 (tỷ VNĐ)
3	Số lượng sinh viên quốc tế đến trường trong các chương trình trao đổi	252
4	Số suất cán bộ nước ngoài đến ĐHBKHN làm việc ngắn hạn	50
5	Các văn bản hợp tác trường ký với đối tác quốc tế	38
6	Các chương trình hợp tác liên kết đào tạo với doanh nghiệp (kí mới và thực hiện trong 2018)	06
7	Số đề tài, dự án quốc tế	21
8	Tổng kinh phí số đề tài, dự án quốc tế	13,61 (tỷ VNĐ)

b) Công tác phát triển và duy trì mạng lưới chuyên gia nước ngoài đã được được chú ý. Qua đó, Trường tận dụng được sự hỗ trợ quý báu của các chuyên gia này trong các hoạt động của Nhà trường và đặc biệt trong công tác xếp hạng 2018, góp phần đưa ĐHBK Hà Nội thăng 30 thứ hạng trong Bảng xếp hạng QS.

c) Bước đầu đã hoàn thiện cơ sở dữ liệu hợp tác đối ngoại và chia sẻ với các đơn vị trong trường.

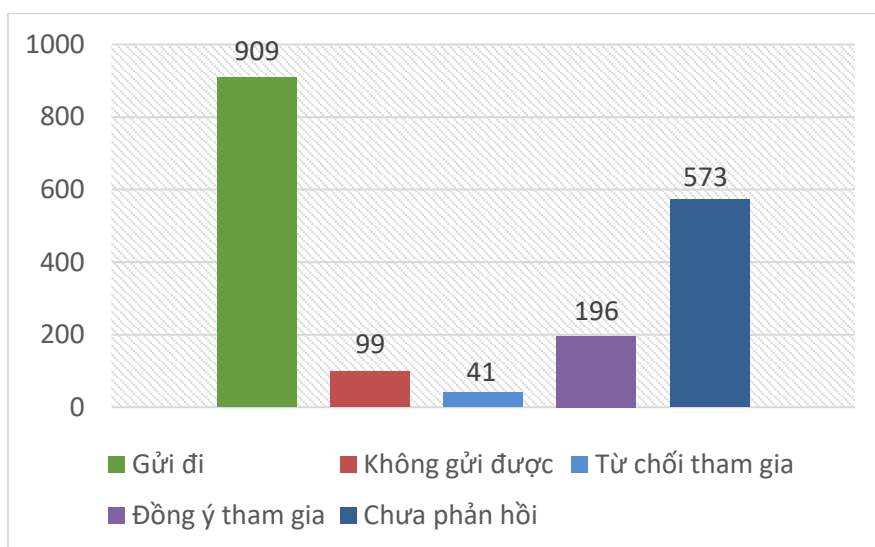
d) Hình thành một bộ phận chuyên trách phát triển mạng lưới cựu sinh viên và cựu cán bộ.

Văn phòng cựu sinh viên đã thành lập và TS. Nguyễn Quân, nguyên Bộ trưởng Bộ khoa học và Công nghệ đã được bầu làm chủ tịch mạng lưới cựu sinh viên. Đây sẽ là nơi thu hút sự quan tâm, hỗ trợ từ mạng lưới cựu sinh viên Bách khoa đối với Trường trong thời gian tới.

Những tồn tại, yếu kém:

- Chưa hoàn thành việc xây dựng chiến lược phát triển hợp tác đối ngoại.
- Chưa xây dựng được hệ thống thông tin quản lý dữ liệu hợp tác đối ngoại do việc này gắn chặt với chức năng nhiệm vụ của các đơn vị có liên quan cũng như tương tác giữa các đơn vị này.

- Mạng lưới chuyên gia nước ngoài, các ban cố vấn khoa học quốc tế tại các đơn vị còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng của Trường. Chưa gắn kết, thu hút được sự tham gia, ủng hộ của giới học giả trong và ngoài nước đối với nhà trường (Hình 4).



Hình 4. Khảo sát ý kiến của học giả quốc tế

10. Tăng cường công tác truyền thông và phát triển thương hiệu

a) Xây dựng và triển khai chiến lược truyền thông và quản trị thương hiệu theo hướng chú trọng vào nội dung chiều sâu:

- Các hoạt động truyền thông đã được điều chỉnh, tập trung vào việc phổ biến công tác triển khai và giới thiệu những kết quả đạt được trong đổi mới công tác quản trị Trường.

- Các hoạt động truyền thông được triển khai thông qua hệ thống tin bài trên website Trường, Đặc san Đại học Bách khoa Hà Nội, các phóng sự, tin bài trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Tập trung định hướng truyền thông về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và chiến lược phát triển 2017- 2025 của Trường:

- Đăng tải các bài viết trên website, các bài viết trên Đặc san Bách khoa với các chủ đề khác nhau: sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và chiến lược phát triển 2017- 2025 của Trường.

- Truyền thông nội bộ thông qua các hội nghị giao ban định kỳ hằng quý, đặc biệt là đợt tập huấn cán bộ lãnh đạo các đơn vị cấp 2 và cán bộ trong quy hoạch của Trường.

c) Tổ chức lớp đào tạo cán bộ về truyền thông và quản trị thương hiệu; phối hợp làm tốt công tác truyền thông cho tuyển sinh đại học và sau đại học:

- Nhiều cán bộ truyền thông được cử đi đào tạo, tham gia tập huấn nghiệp vụ truyền thông và viết nội dung quảng bá (PR) trong và ngoài nước.

- Công tác truyền thông tuyển sinh đại học đã được thực hiện chuyên nghiệp và bài bản hơn thông qua các hoạt động và sự kiện: truyền thông và tư vấn trực tuyến trên website, mạng xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng; các ấn phẩm giới thiệu thông tin tuyển sinh, ngành và chương trình đào tạo.

- Ngày hội Bách khoa Open Day 2018 và chuỗi sự kiện Một ngày là sinh viên Bách khoa với trọng tâm hướng đến tuyển sinh cho chương trình đào tạo EITECH. Kết quả, năm 2018 công tác tuyển sinh đại học của Trường đã đạt những kết quả tích cực: số lượng sinh viên nhập học đạt tỉ lệ >98% chỉ tiêu tuyển sinh; điểm xét tuyển thuộc nhóm cao nhất trong các Trường đại học, tỉ lệ sinh viên trúng tuyển nhóm ELITECH tăng cao.

d) Đổi mới hình thức và tăng cường quảng bá hình ảnh của Trường trên các diễn đàn quốc tế quan trọng:

- Từng bước đổi mới hình thức quảng bá hình ảnh của Trường trên các diễn đàn quốc tế quan trọng, đặc biệt với sự tham dự trực tiếp của Hiệu trưởng trong các chuyến công tác, trao đổi và ký kết thoả thuận với các đối tác nước ngoài.

- Ấn phẩm giới thiệu Trường bằng tiếng Anh được thường xuyên cập nhật thông tin và đổi mới hình thức.

- Truyền thông tốt về việc Trường đăng cai và tổ chức thành công Kỳ thi Olympic Vật lý châu Á lần thứ 19 (APHO 2018) góp phần xây dựng hình ảnh Trường ĐHBK Hà Nội trách nhiệm, tận tình và chuyên nghiệp.

Những tồn tại, yếu kém:

- Chiến lược truyền thông và quản trị chiến lược chưa được xây dựng bài bản, có căn cứ khoa học và thực tiễn.

- Công tác truyền thông nội bộ còn hạn chế: mới chỉ dừng lại ở đối ngũ cán bộ chủ chốt (ở một số vị trí cũng chưa thực sự thấu hiểu), chưa được lan toả rộng rãi đến đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên.

- Công tác truyền thông quảng bá hình ảnh Trường trong các hoạt động hợp tác quốc tế còn hạn chế về hình thức, quy mô và chưa mang tính chiến lược.

- Chưa xây dựng được đề án phát triển văn hóa tổ chức của Đại học Bách khoa Hà Nội.

Đánh giá chung:

Năm 2018, năm thứ 2 thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2017-2025 và cơ chế tự chủ toàn diện, Trường đã tạo được một sự chuyển biến cơ bản trong hệ thống tổ chức và quản lý, thúc đẩy tăng trưởng bền vững, tiếp tục nâng cao uy tín và ảnh hưởng trong nước và quốc tế. Kết quả này chứng tỏ quá trình đổi mới theo Chiến lược phát triển 2017-2025 đã đi đúng hướng, tạo tiền đề vững chắc cho những năm tiếp theo. Nhược điểm chính nằm ở quá trình đổi mới tư duy quản lý còn chậm, hiệu quả bộ máy chưa cao, quy mô đào tạo sau đại học còn thấp và thành tích nghiên cứu chưa tương xứng với tiềm lực, đổi mới phương pháp và công nghệ dạy học chưa theo kịp những yêu cầu trong bối cảnh mới.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2019

Phương hướng chung của năm 2019 là đẩy mạnh áp dụng mô hình quản trị theo chiến lược và ứng dụng công nghệ thông tin, chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ, đổi mới đồng bộ để nâng cao chất lượng và hiệu quả các mặt hoạt động, tiếp tục nâng cao thu nhập cho cán bộ. Lãnh đạo Trường cùng toàn thể đội ngũ cán bộ, viên chức quyết tâm thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra trong Chiến lược phát triển 2017-2025, tiếp tục hoàn thành những nhiệm vụ tồn đọng của năm 2018 và tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm cho năm 2019 như dưới đây.

1. Đổi mới quản trị, nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý

Tiếp tục đổi mới quản trị theo các mô hình tiên tiến để nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn trường. Các giải pháp chủ yếu cần triển khai trong năm 2019 bao gồm:

- a) Tiếp tục triển khai hệ thống quản trị chiến lược và BKPI, kết hợp triển khai thí điểm mô hình quản lý theo mục tiêu và kết quả chính (OKR) ở một số đơn vị;
- b) Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng trong toàn Trường, mở rộng triển khai hệ thống đánh giá và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan;
- c) Tăng cường tin học hóa các quy trình quản lý, xây dựng từng bước hệ thống thông tin quản lý thống nhất trong toàn Trường;

2. Thu hút cán bộ giỏi và tối ưu hóa sử dụng đội ngũ cán bộ

Thu hút đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giỏi về trường làm việc, đồng thời tối ưu hóa sử dụng đội ngũ cán bộ nhằm tạo ra nguồn lực cốt lõi cho sự phát triển bền vững của Trường. Các giải pháp chính bao gồm:

- a) Tăng cường các hoạt động truyền thông tuyển dụng, chủ động tìm kiếm giảng viên và cán bộ quản lý giỏi trong các lĩnh vực ưu tiên;
- b) Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác, trao đổi học thuật, mời giảng viên nước ngoài giảng dạy và nghiên cứu tại trường;
- c) Điều chỉnh vị trí việc làm, đào tạo chuyển đổi, sắp xếp cân bằng tải tại các đơn vị và chia sẻ sử dụng cán bộ giữa các đơn vị để tối ưu hóa sử dụng đội ngũ.

3. Nâng cao chất lượng tuyển sinh, tăng cường quy mô tuyển sinh sau đại học

Nâng cao chất lượng tuyển sinh là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo tăng trưởng tài chính và nâng cao uy tín của Trường. Tăng quy mô đào tạo sau đại học để tăng cường lực lượng nghiên cứu trực tiếp, gắn kết đào tạo với nghiên cứu, nâng cao năng suất nghiên cứu. Các giải pháp chủ yếu cần triển khai trong năm 2019 bao gồm:

- a) Phân tích thị trường, tăng cường quảng bá và tư vấn định hướng mục tiêu; đẩy mạnh triển khai chính sách học bổng để thu hút thí sinh giỏi;
- b) Tiếp tục đổi mới và phát triển mô hình đào tạo tích hợp cử nhân - thạc sĩ phù hợp với Luật GDĐH sửa đổi, xây dựng và chuyển đổi một số chương trình ELITECH theo định hướng thị trường;
- c) Xây dựng chính sách khuyến khích, lựa chọn và định hướng cho các sinh viên giỏi sớm tham gia các nhóm nghiên cứu và thực hiện đề tài nghiên cứu.

4. Đổi mới phương pháp và công nghệ, nâng cao hiệu quả dạy và học

Chất lượng đào tạo là yếu tố sống còn. Đổi mới phương pháp, áp dụng công nghệ dạy và học tiên tiến cần phải triển khai quyết liệt nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng dạy và học vì mục tiêu lấy người học là trung tâm, là chủ thể trong các hoạt động. Các giải pháp chủ yếu cần triển khai trong năm 2019 bao gồm:

- a) Xây dựng và triển khai đề án hỗ trợ áp dụng các phương thức dạy và học tích cực, trải nghiệm sáng tạo theo chuẩn CDIO; ứng dụng CNTT trong dạy và học, thúc đẩy khai thác sử dụng học liệu mở và triển khai Blended learning;
- b) Tiếp tục đầu tư có hiệu quả các phòng thí nghiệm giảng dạy, tăng tỉ lệ thời lượng sinh viên học tập trải nghiệm thông qua các đồ án liên ngành, thực tập và làm đồ án ngoài công nghiệp;
- c) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng giảng viên về ngoại ngữ, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, công nghệ dạy học.

5. Cải thiện chất lượng dịch vụ hỗ trợ, nâng cao thành công của người học

Sự phát triển của nhà trường, uy tín của nhà trường quyết định rất lớn bởi thành công của người học. Các hoạt động trong trường phải hướng tới người học, lấy người học là trung tâm và là chủ thể tham gia. Các giải pháp chủ yếu cần triển khai trong năm 2019 bao gồm:

- a) Tăng cường các hoạt động ngoại khóa, bồi dưỡng kỹ năng, hỗ trợ cho sinh viên về đời sống, học tập, thực tập và việc làm;
- b) Xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ, mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của các câu lạc bộ sinh viên;
- c) Xây dựng kênh thông tin phản hồi và hệ thống đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong cải thiện thái độ và chất lượng phục vụ sinh viên tại các đơn vị.

6. Nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất cho đào tạo và nghiên cứu

Tối ưu hóa các nguồn lực cho đào tạo và nghiên cứu, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu. Các giải pháp chủ yếu cần triển khai trong năm 2019 bao gồm:

- a) Kiểm kê toàn bộ tài sản và diện tích sử dụng, đánh giá hiệu quả khai thác tại các đơn vị; xây dựng cơ sở dữ liệu các PTN, số hóa hồ sơ các PTN.
- b) Quy hoạch hệ thống phòng thí nghiệm giảng dạy và nghiên cứu, chú trọng đánh giá hiệu quả trong các dự án đầu tư mới (đặc biệt trong dự án SAHEP);
- c) Xây dựng quy chế quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở vật chất trang thiết bị và triển khai hệ thống quản lý tự động thông qua hệ thống quản lý chung toàn Trường;

7. Nâng cao năng lực và uy tín KHCN

Năng lực, hiệu quả và uy tín khoa học công nghệ của Trường phụ thuộc chính vào đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu xuất sắc, tài năng, vào sinh viên, học viên sau đại học ưu tú và cơ sở vật chất hiện đại. Ngoài ra, Trường cần nâng cao uy tín và tạo ra ảnh hưởng lớn hơn đối với xã hội thông qua chuyển giao tri thức, công nghệ. Các giải pháp chủ yếu cần triển khai trong năm 2019 bao gồm:

- a) Đánh giá hiệu quả hoạt động, củng cố tổ chức và tăng cường hợp lực của hệ thống các đơn vị nghiên cứu; quy hoạch, xây dựng đề án, thúc đẩy thành lập các phòng thí nghiệm nghiên cứu (Lab);
- b) Xây dựng cơ chế hỗ trợ khởi nghiệp và thúc đẩy chuyển giao công nghệ, thành lập trung tâm hỗ trợ chuyển giao công nghệ;
- c) Xây dựng và triển khai đề án đổi mới hoạt động Tạp chí KH&CN các trường kỹ thuật.

8. Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển hợp tác - đối ngoại

Phát triển hợp tác đối ngoại nhằm mục tiêu quảng bá hình ảnh, nâng cao uy tín và vị thế của Trường trong nước và quốc tế, qua đó tăng cường khai thác các nguồn lực từ bên ngoài phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu. Các giải pháp chủ yếu cần triển khai trong năm 2019 bao gồm:

- a) Xây dựng chiến lược phát triển hợp tác-đối ngoại trên cơ sở Chiến lược phát triển 2017-2025 của Trường; cụ thể hóa thành các văn bản chính sách và quy định;
- b) Phát triển mở rộng mạng lưới cựu sinh viên và cựu cán bộ, hoàn thiện cơ sở dữ liệu các đối tác học thuật và đối tác doanh nghiệp;
- c) Tập trung triển khai các hoạt động hỗ trợ xây dựng hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu với các đối tác mạnh trong và ngoài nước;

III. KẾT LUẬN

Đánh giá lại các mặt hoạt động trong năm qua, chúng ta đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ và bám sát các định hướng Nghị quyết Hội nghị cán bộ viên chức năm 2017 đề ra. Bên cạnh các thành tích đạt được, những mặt chưa đạt được cũng đã được tập thể lãnh đạo Trường chỉ ra và phân tích các nguyên nhân, các khó khăn và hạn chế, từ đó đề ra phương hướng và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cho năm 2019, bám sát Chiến lược phát triển 2017-2025.

Trong năm 2019, Trường ĐHBK Hà Nội sẽ đẩy mạnh quản trị theo chiến lược, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng và hiệu quả các mặt hoạt động. Trong một quá trình đổi mới mạnh mẽ như vậy, những khó khăn sẽ không ít, những thách thức sẽ không nhỏ. Tập thể lãnh đạo cùng toàn thể CBVC và sinh viên của Trường hoàn toàn tin tưởng rằng nhất định sẽ biến những khó khăn thành động lực cho phát triển, chuyển hóa những thách thức thành cơ hội để đi lên, kiên định quá trình đổi mới, thực hiện thành công Chiến lược 2017-2025 với tầm nhìn và những mục tiêu đã đề ra.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Hoàng Minh Sơn